

Số: 940/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an tại Tờ trình số 197/TTr-BCA ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Tờ trình số 254/TTr-BCA ngày 19 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây gọi là Đề án) với các nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; cải cách hành chính; xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; phát triển công dân số; phát huy các kết quả của Đề án 06 và thực tiễn triển khai ứng dụng định danh quốc gia VNeID (sau đây gọi tắt là VNeID) thời gian qua làm định hướng xuyên suốt trong việc phát triển và khai thác VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phát triển VNeID thành siêu ứng dụng, đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái số quốc gia, có hiệu năng xử lý lớn, khả năng mở rộng linh hoạt nhờ ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với xu thế; cung cấp cả mô hình tập trung cho các ứng dụng cơ bản, ứng dụng lõi; mô hình phân tán cho các ứng dụng thành phần, có thể kết hợp công - tư; ưu tiên các ứng dụng thiết yếu. Bảo đảm dễ sử dụng, thuận tiện, an toàn, tiết kiệm thời gian và chi phí.

3. Tiện ích, dịch vụ số trên VNeID được phát triển, mở rộng bảo đảm đồng bộ, có lộ trình, phù hợp với thực tiễn, gắn kết chặt chẽ giữa hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, nền tảng công nghệ, dữ liệu, bảo đảm nguồn lực và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong suốt quá trình xây dựng, phát triển và khai thác VNeID; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.

II. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành Nền tảng số quốc gia, an toàn, hiện đại, có khả năng mở rộng cao, phục vụ hiệu quả người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử và khai thác các tiện ích số. Đồng thời là nền tảng số tin cậy để kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ

liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp. Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2028

- Hoàn thành việc đồng bộ khung thể chế, cơ chế, chính sách nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, ổn định cho việc phát triển, vận hành, khai thác và mở rộng VNeID.

- Hoàn thành triển khai 100% hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, phần mềm phục vụ phát triển VNeID để điều chỉnh kiến trúc, nâng cấp tổng thể VNeID.

- Hoàn thành phát triển VNeID thành siêu ứng dụng; ưu tiên phát triển, hoàn thiện các ứng dụng lõi, ứng dụng cơ bản.

- Hoạch định kế hoạch phát triển hệ sinh thái số trên VNeID giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, đến hết năm 2028, phấn đấu mở rộng đạt 50% tiện ích số thiết yếu trên VNeID phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch số của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Cấp 100% tài khoản định danh điện tử cho cá nhân (người Việt Nam; người nước ngoài), cơ quan, tổ chức đủ điều kiện và có nhu cầu.

- 100% đối tượng được tiếp nhận các khoản hỗ trợ, hưu trí, chi trả an sinh xã hội được tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử trên VNeID.

- Tích hợp 100% giấy tờ công dân, tổ chức theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

- 100% thuê bao di động được đăng ký, xác thực thông tin trên VNeID.

- Bước đầu tích hợp trí tuệ nhân tạo giúp nâng cao hiệu quả sử dụng và trải nghiệm số cho người dùng.

- 80% công dân có đủ điều kiện được cấp chứng thư chữ ký số để sử dụng trong các dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời phát triển mở rộng các dịch vụ tin cậy trên VNeID, tích hợp với VNeID để phục vụ các giao dịch dân sự của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các lớp dữ liệu và dữ liệu phục vụ định danh, xác thực điện tử theo hướng đầy đủ, chính xác, đồng bộ, tin cậy, được cập nhật thường xuyên và có khả năng khai thác, đối soát, chia sẻ an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống VNeID.

b) Đến năm 2030

- Hoàn thành 100% phát triển hệ sinh thái số trên VNeID trên cơ sở hoạch định giai đoạn đến 2030. Trong đó, bao gồm các tiện ích số phục vụ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hoạt động sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ, tiện ích số của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp tích hợp lên VNeID.

- 100% công dân có tài khoản VNeID mức độ 2, được tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử trên VNeID khi có nhu cầu.

- 100% công dân có đủ điều kiện được cấp chứng thư chữ ký số để sử dụng trong các dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời hoàn thiện các dịch vụ tin cậy trên VNeID, tích hợp với VNeID để phục vụ các giao dịch dân sự của người dân, doanh nghiệp.

- 70% tiện ích, dịch vụ được tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa và nâng cao trải nghiệm người dùng.

- 70% người dùng được trải nghiệm dịch vụ thanh toán không sử dụng tiền mặt, thanh toán hóa đơn thiết yếu trên VNeID.

- 70% người dùng thường xuyên truy cập, sử dụng dịch vụ, tiện ích trong hệ sinh thái VNeID.

c) Đến năm 2045

- Tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VNeID, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt.

- 100% tiện ích, dịch vụ được tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho người dùng bao gồm các kỹ năng số khác nhau.

- 100% người dùng được trải nghiệm dịch vụ thanh toán không sử dụng tiền mặt, thanh toán hóa đơn thiết yếu trên VNeID.

- 90% người dùng thường xuyên truy cập, sử dụng dịch vụ, tiện ích trong hệ sinh thái VNeID.

III. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đề án được triển khai trên phạm vi cả nước.

2. Thời gian thực hiện Đề án từ năm 2026 đến năm 2045, chia làm 03 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1 (2026 - 2028): Hoàn thiện khung thể chế, cơ sở pháp lý; tái kiến trúc toàn diện VNeID, phát triển các dịch vụ, tiện ích lõi, cơ bản, bước đầu hình thành hệ sinh thái số trên VNeID.

b) Giai đoạn 2 (2029 - 2030): Tập trung hoàn thiện hệ sinh thái số trên

VNeID; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp (trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...) nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho người dùng.

c) Giai đoạn 3 (2031 - 2045): Nâng cấp toàn diện về năng lực hạ tầng kỹ thuật, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Mở rộng hệ sinh thái số theo hướng đa dạng về dịch vụ, tiện ích, tối đa hóa trải nghiệm cho người dùng.

IV. CHỨC NĂNG, YÊU CẦU

1. Chức năng

Phát triển VNeID thành Nền tảng số quốc gia với 05 chức năng chính: (i) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (ii) Định danh xác thực điện tử; (iii) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính; (iv) Ví điện tử, Kênh thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (v) Là kênh giao tiếp chính thức, bảo đảm an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân.

2. Yêu cầu về kiến trúc và kỹ thuật

a) Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng

- Triển khai nâng cấp trên hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư và các hạ tầng kỹ thuật khác của Bộ Công an xây dựng và quản lý đáp ứng yêu cầu về phạm vi, quy mô, đáp ứng năng lực xử lý.

- Triển khai các giải pháp, dịch vụ bảo đảm yêu cầu về an ninh, an toàn, bảo mật hạ tầng mạng; kết nối với hạ tầng mạng nội ngành của Bộ Công an, hạ tầng mạng Truyền số liệu chuyên dùng, hạ tầng mạng Internet; hạ tầng mạng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống của doanh nghiệp và các hạ tầng mạng khác bảo đảm điều kiện kết nối theo quy định.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển và vận hành, khai thác VNeID; được thiết kế và triển khai đồng bộ trên toàn bộ vòng đời hệ thống, ứng dụng và dữ liệu; tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về an ninh, an toàn thông tin, như: Luật An ninh mạng 2025; Luật Dữ liệu 2024; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025; TCVN 11930:2017; TCVN 14423:2025;...

b) Lớp Dữ liệu và nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Tạo lập, cập nhật dữ liệu từ các nguồn: (i) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, dữ liệu về định danh và xác thực điện tử; (ii) Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương;

(iii) Dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; (iv) Dữ liệu giao dịch của chủ thể danh tính điện tử và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

- Phân loại, phân luồng, phân cấp, phân quyền, áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại để lưu trữ, xử lý, phân tích, khai thác, đồng bộ, chia sẻ bảo đảm năng lực xử lý, an toàn thông tin theo quy định và phục vụ chỉ đạo, điều hành các cấp. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa VNeID với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua các nền tảng: (i) Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (National Data Orchestration Platform - NDOP); (ii) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP); (iii) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Bộ Công an (Local Government Service Platform - LGSP); (iv) Nền tảng định danh và xác thực điện tử và các nền tảng khác theo quy định của pháp luật.

c) Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ

Phát triển VNeID thành siêu ứng dụng bảo đảm khả năng xây dựng một hệ thống có kiến trúc mở rộng linh hoạt, bao gồm công cụ và nền tảng hỗ trợ các đối tác bên thứ ba xây dựng các ứng dụng nhỏ (Mini App) vừa bảo đảm tách biệt về vận hành, vừa bảo đảm khả năng tích hợp và tái sử dụng các dịch vụ cốt lõi của siêu ứng dụng, cụ thể gồm các lớp: (i) Các mô-đun lõi (core) cung cấp những chức năng thiết yếu; (ii) Các Mini App cơ bản, được cơ quan chủ quản xây dựng cùng VNeID để cung cấp đầy đủ hơn các dịch vụ, ứng dụng cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khai thác trực tiếp và phát triển các tiện ích khác; (iii) Các Mini App tiện ích, được xây dựng để cung cấp thêm nhiều tiện ích, dịch vụ đa dạng theo nhiều lĩnh vực như phục vụ Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

d) Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả

- Cung cấp kênh giao tiếp chính thức, bảo đảm an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân.

- Cơ quan nhà nước các cấp được cấp tài khoản riêng, phân quyền theo quy định, cùng với các công cụ hỗ trợ trao đổi tin nhắn bằng văn bản (chat), hình ảnh, âm thanh, video.

- Kênh trao đổi, tương tác giữa người dân với chính quyền (cơ quan nhà nước) góp phần bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý (giải quyết), trả lời (phản hồi) các vấn đề, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị... của người dân một cách nhanh

chóng, kịp thời, chính xác, không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý và không giới hạn về thời gian.

Trong quá trình tái kiến trúc, chú trọng áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain)... ở tất cả các lớp.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

a) Rà soát, đánh giá tổng thể hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về định danh và xác thực điện tử, giao dịch điện tử, tích hợp tiện ích số, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến việc khai thác, sử dụng VNeID.

b) Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Định danh và xác thực điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về phát triển công dân số;... nhằm xác định rõ phạm vi, giá trị pháp lý, điều kiện sử dụng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể khi sử dụng VNeID trong các quan hệ hành chính, dân sự, thương mại và các giao dịch điện tử khác.

c) Xây dựng, chuẩn hóa các quy trình vận hành, quy chế phối hợp và cơ chế giám sát tổng thể đối với việc khai thác, sử dụng VNeID trong cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an (chủ trì), Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức liên quan (phối hợp).

- Thời gian thực hiện: 2026 - 2027.

2. Điều chỉnh kiến trúc, nâng cấp tổng thể VNeID đáp ứng yêu cầu được nêu tại Mục IV của Quyết định này.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an (chủ trì); các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan đơn vị, tổ chức liên quan (phối hợp).

- Thời gian thực hiện: 2026 - 2030.

3. Phát triển, mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VNeID

a) Mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VNeID theo hướng thiết thực, thuận tiện, lấy người dùng làm trung tâm; bảo đảm đáp ứng hiệu quả nhu cầu giao dịch số của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện để các bộ, ngành, địa phương, tổ chức,

doanh nghiệp tham gia phát triển, cung cấp, tích hợp các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID theo hướng đa dạng hóa nguồn lực, kết hợp hiệu quả đầu tư công với các hình thức hợp tác công - tư và các nguồn lực hợp pháp khác; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý nhà nước, an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an (chủ trì); các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan đơn vị, tổ chức liên quan (phối hợp).

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Triển khai nâng cấp và mở rộng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ bảo đảm nhu cầu phát triển

a) Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công nghệ của hệ thống VNeID và các hệ thống liên quan phục vụ việc triển khai nâng cấp và mở rộng theo hướng hiện đại, đồng bộ, an toàn, ổn định, có khả năng mở rộng linh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh về số lượng người dùng, số lượng giao dịch, số lượng tiện ích thành phần, đặc biệt là phạm vi tích hợp và nhu cầu khai thác ngày càng lớn của VNeID trong giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, gồm:

- Nâng cấp, mở rộng năng lực hệ thống hạ tầng vô trạm và năng lực tính toán theo hướng tăng mạnh khả năng xử lý đồng thời, tăng hiệu năng xử lý (bao gồm cả năng lực xử lý trung tâm, năng lực xử lý phân tán, năng lực xử lý cho các dịch vụ lõi và năng lực xử lý cho các dịch vụ tích hợp).

- Hoàn thiện các phương án dự phòng theo nhiều cấp độ bảo đảm duy trì hoạt động liên tục, khôi phục sau thảm họa cho hệ thống VNeID.

- Thực hiện việc định kỳ kiểm tra, diễn tập, thử nghiệm các phương án chuyển đổi sang hệ thống dự phòng, khôi phục dịch vụ và phục hồi dữ liệu.

c) Triển khai hạ tầng kỹ thuật, công nghệ phục vụ VNeID theo mô hình đa trung tâm dữ liệu, trong đó Trung tâm chính được kế thừa, nâng cấp, mở rộng từ Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm khả năng mở rộng, tính sẵn sàng cao, an ninh, an toàn và dự phòng thảm họa; đáp ứng nhu cầu theo quy mô dân số (trên 100 triệu dân); tích hợp nhiều ứng dụng thành phần (Mini App), cung cấp đa dịch vụ.

Cơ quan thực hiện: Bộ Công an.

Thời gian thực hiện: 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Bảo đảm an ninh, an toàn tổng thể

a) Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng an ninh, an toàn đối với VNeID và các hệ thống liên quan; hoàn thiện mô hình, nguyên tắc, kiến trúc bảo đảm an ninh, an toàn tổng thể.

b) Thực hiện triển khai các biện pháp an ninh, bảo mật toàn diện, đa lớp; các cơ chế bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ quá trình kết nối, thu thập, truyền, lưu trữ, xử lý, chia sẻ, khai thác, sao lưu và phục hồi dữ liệu; bổ sung, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống giám sát an ninh mạng, giám sát truy cập, giám sát hành vi, giám sát giao dịch và các cơ chế cảnh báo sớm đối với hệ thống VNeID và các thành phần liên quan.

c) Thường xuyên cập nhật hoàn thiện đầy đủ các phương án, kịch bản, quy trình ứng cứu sự cố và kiểm thử an ninh, an toàn đối với hệ thống VNeID; nâng cao năng lực tổ chức, nhân lực, tăng cường cơ chế phối hợp trong triển khai kết nối, khai thác...

d) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhận thức an toàn số cho người dùng, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia.

đ) Bổ sung, tăng cường các lớp an ninh vật lý theo phương án nhiều lớp bảo đảm an ninh hành lang và lối tiếp cận phòng máy chủ, an ninh kiểm tra người và chống bám đuôi, an ninh cửa phòng máy chủ, an ninh bên trong phòng máy chủ...

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an chủ trì, các bộ, cơ quan, địa phương phối hợp triển khai.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Bảo đảm nhân lực và hỗ trợ người dùng

a) Hoàn thiện mô hình quản trị, điều hành, vận hành kỹ thuật và khai thác hệ thống VNeID từ trung ương đến địa phương; cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo hướng rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ đầu mối, rõ cơ chế phối hợp. Bổ sung đầy đủ nhân lực chuyên trách và kiêm nhiệm có trình độ, năng lực phù hợp để triển khai, vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống VNeID tại các đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng trực tiếp quản trị, vận hành, khai thác hệ thống; bồi dưỡng kiến thức pháp lý, nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình sử dụng.

c) Thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ nghiệp vụ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình tích hợp, khai thác sử dụng VNeID; chú trọng nhóm yếu thế, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người hạn chế kỹ năng số.

d) Tổ chức triển khai công tác truyền thông, tuyên truyền một cách thường xuyên, liên tục, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao khả năng khai thác, nhận thức của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức; phát huy vai trò của lực lượng tại cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc.

đ) Huy động các doanh nghiệp công nghệ và các học viện, nhà trường đào tạo công nghệ liên quan đồng hành cùng Bộ Công an trong nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai đổi mới mô hình phục vụ và hoạt động cung ứng dịch vụ, tiện ích của VNeID.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an (chủ trì); các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan đơn vị, tổ chức liên quan (phối hợp).

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá

Tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình, kết quả thực hiện bằng hình thức phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Thực hiện sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; điều chỉnh nội dung chưa phù hợp. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc thực hiện; khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích, đóng góp tích cực.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an (chủ trì); các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan đơn vị, tổ chức liên quan (phối hợp).

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên và theo các giai đoạn triển khai Đề án.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công an

a) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch triển khai Đề án. Hoàn thành trong quý III năm 2026.

b) Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật Định danh và xác thực điện tử trong năm 2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về phát triển công dân số trong tháng 6 năm 2026.

c) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án có liên quan để triển khai Đề án, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định có liên quan.

d) Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành VNeID và tổ chức thực hiện các hoạt động tích hợp, cung cấp, khai thác và vận hành dịch vụ, tiện ích số trên VNeID; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và phát triển hệ sinh thái tiện ích số theo mục tiêu của Đề án.

đ) Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; quy định, hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ việc quản lý, vận hành VNeID và hoạt động kết nối, tích hợp giữa các hệ thống thông tin với VNeID.

e) Hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành và địa phương thực hiện nhiệm vụ được phân công trong Đề án; kịp thời báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh nội dung Đề án khi cần thiết; tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo theo quy định.

g) Chịu trách nhiệm về nội dung hồ sơ, báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 197/TTr-BCA ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Tờ trình số 254/TTr-BCA ngày 19 tháng 5 năm 2026.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Phối hợp với Bộ Công an trong việc hướng dẫn, thúc đẩy áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, giải pháp công nghệ, hạ tầng số, an toàn công nghệ và các

yêu cầu kỹ thuật liên quan đến phát triển, nâng cấp, tích hợp, mở rộng hệ thống VNeID.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

4. Bộ Tư pháp

Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo quy định.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ

a) Phối hợp với Bộ Công an thực hiện các nội dung có liên quan của Đề án thuộc phạm vi quản lý.

b) Phát triển, tích hợp các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID và thực hiện việc kết nối, khai thác, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành với hệ thống VNeID theo quy định của pháp luật.

c) Bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

d) Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Tổ chức triển khai Đề án trên địa bàn theo phân cấp, phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Công an phát triển, tích hợp các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID theo hướng đa dạng hóa nguồn lực.

b) Bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

c) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức trên địa bàn về các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở và Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong sử dụng.

d) Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CDS (2).



Hồ Quốc Dũng